

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05/7/2024

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình
có yếu tố nước ngoài*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh, bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Nguyễn Thị Lĩnh - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 2001, địa chỉ: Số nhà 38/84, N. K, G. V, quận B. Đ, thành phố Hà Nội, có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Tô Văn Kh, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn B, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Tô Văn Kh, kết hôn ngày 23 tháng 10 năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn của chị Th và anh Kh hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị về sinh sống tại Thôn B, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chị trước đây vẫn hạnh phúc bình thường, đến đầu năm 2021 vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng về kinh tế, về quan điểm sống, khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng không có kết quả, từ tháng 10 năm 2022 đến nay vợ chồng chị sống

ly thân, anh Kh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Chị Th xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Th đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tô Văn Kh.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung, cháu Tô Quỳnh A, sinh ngày 01/7/2019, kể từ khi vợ chồng chị ly thân cháu Quỳnh A vẫn sinh sống cùng chị Th tại số nhà 38/84, N. K, G. V, quận B. Đ, thành phố Hà Nội, hiện nay cháu đang có cuộc sống ổn định, có môi trường phát triển tốt về mọi mặt. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giao cháu Tô Quỳnh A cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh Tô Văn Kh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tô Văn Kh hiện đang ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật và xác minh thông tin của anh Tô Văn Kh qua bố đẻ của anh Kh là ông Tô Văn T, địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Ông Tô Văn T có ý kiến như sau: Ông Tô Văn T là bố đẻ của anh Tô Văn Kh, anh Kh đăng ký hộ khẩu tại Thôn B, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nhưng hiện nay anh Kh đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, địa chỉ cụ thể của anh Kh ở Nhật Bản, ông Tô Văn T không biết, anh Kh thỉnh thoảng vẫn gọi điện về hỏi thăm sức khỏe vợ chồng ông Tài. Về quan hệ vợ chồng, anh Tô Văn Kh và chị Nguyễn Thị Th, kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội, sau khi kết hôn vợ chồng anh Kh, chị Th sinh sống tại Thôn B, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đến tháng 9 năm 2022 anh Kh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, còn chị Th về Hà Nội làm ăn sinh sống đến nay. Về mâu thuẫn vợ chồng của anh Kh và chị Th dẫn đến việc chị Th xin ly hôn với anh Kh do anh Kh và chị Th tự giải quyết. Vợ chồng ông Tài không biết việc mâu thuẫn của vợ chồng anh Kh chị Th, nên vợ chồng ông Tài không can thiệp. Về con chung của anh Kh và chị Th có 01 con chung là cháu Tô Quỳnh A, sinh ngày 01/7/2019, hiện nay cháu Quỳnh A đang sinh sống cùng chị Th. Về tài sản chung và vay nợ chung anh Kh và chị Th không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Do anh Tô Văn Kh đang ở nước ngoài, nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th. Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Tô Văn Kh. Về con chung giao cháu Tô Quỳnh A, sinh ngày 01/7/2019 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Th và anh Tô Văn Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019, (Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 23/10/2019; Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội), theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hôn nhân của anh Kh và chị Th là hôn nhân hợp pháp. Ngày 06/5/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn số 425/PA08 – Đ1 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân “Họ và tên Tô Văn Kh, sinh ngày 20/3/1995, địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Giới tính. Nam; quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu số K0219371, cấp ngày 29/3/2022 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Ngày 27/9/2022 Tô Văn Kh xuất cảnh tại Sân bay quốc tế Nội Bài”. Như vậy theo thu thập thông tin, tài liệu xác định anh Tô Văn Kh hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Tô Văn Kh hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể, bố đẻ anh Kh xác nhận anh Kh vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với vợ chồng ông. Tuy nhiên, ông Tài không biết địa chỉ cụ thể của anh Kh. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Đối với chị Nguyễn Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xét xử vắng mặt chị Th và anh Kh là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Nguyễn Thị Th phù hợp với ý kiến trình bày của ông Tô Văn T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Th và anh Kh mâu thuẫn về kinh tế, về quan điểm sống, hiện chị Th và anh Kh ở hai nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Kh đã thực sự không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

[3.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị Th và anh Kh có 01 con chung là cháu Tô Quỳnh A, sinh ngày 01/7/2019, hiện nay đang chung sống cùng chị Th nên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Quỳnh A và nguyện vọng về việc nuôi con của chị Th cần giao cháu Quỳnh A cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với pháp luật cũng như thực tế.

[3.3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Vợ chồng anh Kh và chị Th không có tài sản chung và không vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị Th và anh Tô Văn Kh được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Tô Văn Kh.

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Tô Quỳnh A, sinh ngày 01/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tô Văn Kh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Kh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000058 ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. (Do chị Nông Thị Mai Ph nộp thay chị Nguyễn Thị Th), chị Th đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Tô Văn Kh vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (khi có HLPL);
- UBND xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội;
- UBND xã Q, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Nguyễn Đức Nam